

**TỈNH ỦY CAO BẰNG
BAN TUYÊN GIÁO**

*

Số 955-CV/BTGTU

V/v gửi Tài liệu tham khảo tháng 01/2023

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 17 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: - Báo cáo viên Trung ương đơn vị tỉnh Cao Bằng,
- Báo cáo viên cấp tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các huyện, thành ủy,
Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,

Do tháng 01/2023 Ban Tuyên giáo Trung ương không tổ chức Hội nghị Báo cáo viên, thực hiện Chương trình công tác năm 2023, trên cơ sở Công văn số: 85/CAT-QLHC, ngày 09/01/2023 của Công an tỉnh Cao Bằng về việc phối hợp tuyên truyền các giải pháp khai thác, sử dụng thông tin công dân thay thế việc xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú; để phục vụ công tác tuyên truyền trong tháng 01/2023, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên tập Tài liệu tham khảo tháng 01/2023 gửi các đồng chí báo cáo viên Trung ương đơn vị tỉnh, báo cáo viên cấp tỉnh, các địa phương, đơn vị.

Đề nghị các đồng chí báo cáo viên, các địa phương, đơn vị căn cứ nội dung Tài liệu tham khảo (*gửi kèm theo*) và các văn bản chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành để triển khai thực hiện công tác tuyên truyền tại địa phương, đơn vị.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU (p/h),
- Lãnh đạo Ban,
- Các phòng thuộc Ban,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



Bế Lan Phương

**TỈNH ỦY CAO BẰNG
BAN TUYÊN GIÁO**

*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THÁNG 01 - 2023

(Lưu hành nội bộ)

1. Một số kết quả phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
2. Một số kết quả hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.
3. Các phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ Căn cước công dân gắn chip hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.
4. Tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.
5. Định hướng công tác tuyên truyền thời gian tới.

TÀI LIỆU THÔNG TIN CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO DÙNG CHO BÁO CÁO VIÊN

Chuyên đề 01:

**MỘT SỐ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CAO BẰNG
NĂM 2022; PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023**

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Năm 2022, dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; sự lãnh đạo trực tiếp, sát sao của Tỉnh uỷ; sự đồng hành và giám sát hiệu quả của Hội đồng nhân dân tỉnh; với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị; sự vào cuộc của người dân và doanh nghiệp; sự hợp tác, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, các địa phương đã chỉ đạo, điều hành đúng hướng, quyết liệt, thống nhất, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, đề án của Trung ương, của tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia; 03 chương trình trọng tâm; 03 nội dung đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; các dự án trọng điểm có sức lan tỏa, dẫn dắt và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH); đảm bảo quốc phòng - an ninh. Qua đó, KT-XH năm 2022 của tỉnh được duy trì ổn định, tăng trưởng và đạt những kết quả quan trọng, có nhiều điểm sáng nổi bật. Cụ thể:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh năm 2022 ước tăng 5,04%, tăng 1,23 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 39,84 triệu đồng, tăng trên 7,2% so với năm 2021.

(3) Thu ngân sách trên địa bàn đạt hơn 3.957 tỷ đồng, bằng 235% dự toán Trung ương giao, vượt 96% kế hoạch (KH), tăng 104% so với năm trước. Đây là số thu lớn nhất từ trước đến nay.

(4) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn ước đạt 884,92 triệu USD, vượt 40% KH, tăng 11% so với năm trước.

(5) Trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều có những bước tiến, trong đó đa số các trụ cột của nền kinh tế đều có sự tăng trưởng so với năm trước, đó là:

- Về sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, bảo đảm an ninh lương thực: Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 297 nghìn tấn, bằng 106,6% so với KH, tăng 5,1% so với năm 2021. Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) ước đạt 44 triệu đồng, bằng 100% KH năm, tăng 5% so với cùng kỳ.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 12,0%; giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, theo giá hiện hành tăng 6%. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng 16,5%.

- Dịch vụ du lịch phục hồi tốt: Lượng khách du lịch đến Cao Bằng tăng 150%, đạt trên 1 triệu lượt khách, doanh thu tăng 659% so với năm 2021, cao hơn so với thời điểm năm 2019, khi chưa có dịch Covid-19.

- Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng, giao thông được quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Trọng tâm là lập quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh thời

kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đã và đang thực hiện tổng thể 10 đề án quy hoạch đô thị cấp huyện, 139/139 quy hoạch xã.

(6) Văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, bảo đảm hài hòa với phát triển kinh tế; trong đó văn hóa, y tế, giáo dục, các chương trình an sinh xã hội đều được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, hiệu quả: Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 83,9%, bằng 114% KH; toàn tỉnh có thêm 9 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 150% KH; tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,29%, vượt 7,25% KH.

Chương trình xóa nhà tạm nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả. Từ năm 2021 đến nay đã xóa xong 7.780/9.992 nhà. Dự kiến trong năm 2023 sẽ xóa 2.212 nhà, như vậy hoàn thành 100% mục tiêu đề ra.

(7) Tỉnh đã triển khai 02 đợt cao điểm 100 ngày tuyên truyền đấu tranh, xóa bỏ tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh. Kết quả: Xóa bỏ 100% “nhà đôn” và “tám phong trắng” biểu tượng của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh. Hiện chỉ còn 210 hộ/829 nhân khẩu theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh (giảm được 64% số hộ, 73,5% số nhân khẩu và 73,7% số xã bị ảnh hưởng so với trước khi triển khai 02 đợt cao điểm).

(8) Công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng, nổi bật là: Tỉnh đã phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức thành công sự kiện giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 7; phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị toàn quốc công tác đối ngoại nhân dân năm 2022. Tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến Gặp gỡ đầu xuân các Bí thư Tỉnh uỷ và Hội nghị lần thứ 13 Ủy ban Công tác liên hợp giữa các tỉnh Cao Bằng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Giang (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) năm 2022 và Hội nghị Gặp gỡ trực tuyến giữa Bí thư Tỉnh uỷ Cao Bằng (Việt Nam) và Bí thư Khu uỷ Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc).

(9) Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia.

Bên cạnh các kết quả đạt được, còn một số chỉ tiêu phát triển KT-XH chưa đạt KH đề ra. Có 03/17 chỉ tiêu không đạt KH, trong đó: Chỉ tiêu tăng trưởng GRDP thấp hơn so với KH 2,96 điểm phần trăm; thu nhập bình quân đầu người thấp hơn KH 1,15% (mặc dù tổng thu ngân sách vượt KH nhưng thu nội địa thấp hơn KH); một số dự án đầu tư công và dự án đầu tư ngoài ngân sách triển khai thực hiện còn chậm, công tác giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn từ cơ chế, chính sách, công tác tuyên truyền tổ chức thực hiện; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) và chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh trong thời gian qua đã được cải thiện, đổi mới, tuy nhiên chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh hiện nay.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống và kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19; chuẩn bị đầy đủ vắc xin để triển khai tiêm bổ sung theo diễn biến thực tế của dịch bệnh, đảm bảo an toàn, khoa học, hợp lý, hiệu quả. Duy trì và đổi mới phương pháp hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 các cấp và Tổ giám sát cộng đồng phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo tính chủ động, hiệu quả.

2. Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX về các mục tiêu phát triển KT-XH 5 năm (2021 - 2025); tích cực thực hiện 03 chương trình trọng tâm, 03 đột phá chiến lược và các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh đã được xác định. Tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển trên mọi lĩnh vực kinh tế, trọng tâm là:

- Ổn định và phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và tăng năng suất và nâng cao giá trị sản phẩm. Tiếp tục triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động người dân ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, hạn chế phát sinh, lây lan dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi. Tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn năm 2030. Tiếp tục quan tâm phát triển các sản phẩm OCOP nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ để sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu, năng lượng, tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm và bảo vệ môi trường. Tăng cường kết nối sản xuất công nghiệp chế biến với sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa mới trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp phục vụ du lịch.

- Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch: Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác quản lý và bình ổn giá, siết chặt kiểm soát chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại. Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức Cuộc thi sáng kiến về bảo vệ môi trường trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; tổ chức các lớp tập huấn về du lịch. Chỉ đạo tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, các chương trình, chính sách tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế.

- Tăng cường quản lý quy hoạch, kế hoạch, giao thông, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nhằm phát huy các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và khắc phục những điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng, sự thiếu đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương,... Trong đó: Tích cực thúc đẩy tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tập trung nguồn lực để khởi công thực hiện dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); hoàn thành quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thực hiện các dự án đầu tư công đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành

chính, nâng cao hiệu quả cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và cấp sở, ngành, huyện, thành phố (DDCI).

- Tập trung quyết liệt chỉ đạo công tác thu ngân sách; quản lý sát đúng nguồn thu; rà soát, quản lý chặt chẽ tình hình nợ đọng thuế. Tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện dự toán ngân sách năm 2023, kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Chỉ đạo tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng; tích cực triển khai các biện pháp kiểm soát và hạn chế nợ xấu phát sinh.

- Thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ phát triển KT-XH tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động khoan, thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước. Tiếp tục xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

3. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm hài hòa với phát triển kinh tế; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Trong đó: Tập trung xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; quy hoạch mạng lưới trường, lớp phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn của địa phương. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe; tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các tuyến; chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh, hạn chế tối đa thiệt hại do dịch bệnh gây ra. Triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng quy định các chính sách an sinh xã hội, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử; đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, an toàn phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin, báo chí, truyền thông, nhất là truyền thông chính sách để tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH tại địa phương.

4. Thực hiện tốt công tác nội vụ, thanh tra, tư pháp; trong đó: tiếp tục thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính. Thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức bộ máy và quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo chế độ chính sách. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng theo quy định. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, ban hành, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và các dịch vụ công trong lĩnh vực hành chính.

5. Duy trì, thúc đẩy các hoạt động đối ngoại theo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển giữa tỉnh Cao Bằng với các đối tác nước ngoài, nhằm tạo lập và tăng cường quan hệ ngoại giao về kinh tế, văn hóa, xã hội phục vụ phát triển KT-XH của địa phương.

6. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, tăng cường đối ngoại và hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển KT-XH.

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH CAO BẰNG NĂM 2022; PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH CAO BẰNG NĂM 2022

1. Về công tác xây dựng pháp luật

Căn cứ vào Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội (QH), Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh đã chỉ đạo làm tốt công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến pháp luật; phân công các ĐBQH tham gia xây dựng, góp ý sâu các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, đồng thời phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hội nghị lấy ý kiến góp ý vào các dự án luật; việc tổ chức lấy ý kiến góp ý các dự án luật được thực hiện linh hoạt qua tổ chức hội nghị (03 dự án luật¹) hoặc lồng ghép lấy ý kiến dự án luật trong tiếp xúc cử tri, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan (13 dự án luật²). Kết quả, năm 2022 đã hoàn thành việc góp ý vào 16 dự án luật mà QH thông qua hoặc cho ý kiến tại kỳ họp bất thường lần thứ nhất và kỳ họp thứ 3, thứ 4 QH khóa XV.

Phát huy chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm từ thực tế công tác của từng ĐBQH trong Đoàn, các ĐBQH tỉnh đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong việc góp ý xây dựng luật, pháp lệnh tại kỳ họp bất thường và các kỳ họp thứ 3 và thứ 4, QH khóa XV. Kết quả, đã có gần 30 lượt ĐBQH trong Đoàn tham gia phát biểu thảo luận góp ý xây dựng luật tại tổ và tại hội trường, nhiều ý kiến góp ý của Đoàn được đánh giá cao, có chất lượng đã được Ban soạn thảo, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Luật.

2. Về hoạt động giám sát, khảo sát

Trong công tác giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh đã tổ chức giám sát 02 chuyên đề của QH và UBTVQH trên địa bàn tỉnh: Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021; việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021. Thực hiện 02 cuộc khảo sát: Việc giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Nhà máy thủy điện Khuổi Luông, huyện Quảng Hòa; việc thực hiện Nghị quyết 88/QH14 và Nghị quyết 51/QH14 của QH về chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới tại huyện Nguyên Bình và huyện Quảng Hòa. Ngoài ra, Đoàn ĐBQH tỉnh đã phối hợp làm tốt việc cử các ĐBQH của Đoàn tham gia các Đoàn giám sát, khảo sát của UBTVQH, của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của QH³ tại tỉnh.

¹ Đó là: Luật Cảnh sát cơ động; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi); Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

² Đó là: Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Điện ảnh (sửa đổi); Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi); Luật Thanh tra (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện; Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi); Luật Đất đai (sửa đổi); Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi); Luật Đấu thầu (sửa đổi); Luật Giá (sửa đổi); Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi); Luật Phòng thủ dân sự.

³ Bao gồm: (1) Đoàn giám sát của UBTVQH về việc thực hiện các nghị quyết của UBTVQH về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; (2) Đoàn khảo sát của Hội đồng dân tộc của QH về việc thực hiện các nghị quyết của UBTVQH về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2019 - 2021 và việc thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính

3. Về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

Thực hiện Quy chế phối hợp, Đoàn ĐBQH tỉnh đã thực hiện tiếp công dân chung định kỳ hàng tháng tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và một số cơ quan liên quan. Việc phân công, bố trí ĐBQH tiếp dân được Đoàn phân công cụ thể cho các ĐBQH và bộ phận giúp việc. Trong quá trình tiếp công dân, ngoài việc tiếp nhận, hướng dẫn công dân thực hiện đúng các quy định trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả lời việc giải quyết đơn thư của công dân, Đoàn ĐBQH tỉnh còn kết hợp tuyên truyền chính sách, pháp luật đến người dân.

Trong năm 2022, Đoàn ĐBQH tỉnh tiếp 34/40 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tiếp nhận 47 đơn thư (trong đó 19 đơn thư ngoại tỉnh). Qua nghiên cứu phân loại, Đoàn ĐBQH tỉnh đã chuyển 02 đơn thư của công dân đến các cơ quan chức năng để xem xét giải quyết, đã trả lời 01 đơn, yêu cầu cung cấp thông tin đối với 01 vụ việc được phản ánh, các đơn thư còn lại chủ yếu là đơn trùng nội dung, đơn thư khiếu nại nhiều lần hoặc đã được công dân đồng gửi đến các cơ quan chức năng nên đã chỉ đạo tiến hành lưu sổ theo dõi theo quy định.

4. Về hoạt động tiếp xúc cử tri

Trong tổ chức tiếp xúc cử tri, Đoàn ĐBQH tỉnh tiếp tục chủ động phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng bố trí lịch cho các đại biểu một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm địa bàn của từng điểm tiếp xúc nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho đại biểu QH và cử tri gặp gỡ, tiếp xúc. Năm 2022, Đoàn ĐBQH tỉnh đã phối hợp tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau Kỳ họp thứ 3 và thứ 4 QH khóa XV tại 23 điểm trong tỉnh, với 1.692 lượt cử tri tham dự, 335 lượt ý kiến cử tri. Việc tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri được thực hiện tốt, đúng quy định. Chủ động chỉ đạo bộ phận chuyên môn theo dõi, rà soát việc trả lời kiến nghị cử tri của các Bộ, ngành Trung ương, qua đó kịp thời sao gửi các văn bản trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri của các bộ, ngành đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh để thông báo cho cử tri biết và báo cáo Ban Dân nguyện để tiếp tục đôn đốc các Bộ, ngành Trung ương trả lời theo quy định.

5. Về hoạt động tại kỳ họp Quốc hội

Tại Kỳ họp bất thường lần thứ nhất và Kỳ họp thứ 3, thứ 4 QH khóa XV, Đoàn ĐBQH tỉnh và các ĐBQH trong Đoàn đã tham dự đầy đủ, thực hiện nghiêm túc nội quy của kỳ họp, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy trí tuệ, tập trung nghiên cứu góp ý các dự án luật, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; tích cực tham gia thực hiện chức năng giám sát tối cao tại kỳ họp. Kết quả, Đoàn ĐBQH tỉnh đã có 40 lượt phát biểu ý kiến tại các buổi thảo luận tổ và hội trường, qua đó góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của QH tại kỳ họp.

Ngoài việc tham gia tích cực vào các nội dung chương trình của kỳ họp, các ĐBQH tỉnh cũng đã bố trí hợp lý thời gian để tham gia tích cực vào hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của QH mà đại biểu là thành viên. Tích cực giao

lưu, đối ngoại, trao đổi kinh nghiệm với các Bộ, ngành Trung ương, các Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố trong cả nước.

6. Hoạt động xã hội

Năm 2022, Đoàn ĐBQH tỉnh đã tổ chức thăm và tặng quà các cơ sở bảo trợ xã hội, các đồn biên phòng và một số đơn vị, cá nhân đối tượng chính sách xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2022, tặng quà các gia đình chính sách có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh nhân dịp Ngày thương binh liệt sĩ 27/7/2022. Chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND kết nối với tập đoàn Vingroup tặng 500 suất quà Tết năm 2022 cho 500 hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh với tổng trị giá quà tặng 300 triệu đồng; kết nối cho Đoàn khách Cộng hòa Liên bang Đức, đoàn của Cục Giám sát Bảo hiểm Bộ Tài chính thăm và tặng quà cho một số trường học khó khăn trên địa bàn tỉnh với tổng trị giá trên 500 triệu đồng; kết nối với Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí tặng 600 suất quà Tết năm 2023 cho 600 hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Hà Quảng, Bảo Lạc với tổng trị giá quà tặng 600 triệu đồng. Thông qua sự vận động của các ĐBQH trong Đoàn, Tập đoàn Dầu khí đã hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 trường học tại xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm và xã Hưng Thịnh, huyện Bảo Lạc, tổng trị giá 10 tỷ đồng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Công tác xây dựng pháp luật

Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị lấy ý kiến các sở, ngành, các đơn vị có liên quan về các dự án luật trình các kỳ họp của QH khóa XV theo chỉ đạo của UBTVQH. Tạo điều kiện tốt nhất để ĐBQH trong Đoàn tham gia đóng góp ý kiến vào các dự án luật, pháp lệnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Tổ chức tham vấn, lấy ý kiến của các chuyên gia, ban, ngành liên quan trong việc xây dựng luật.

2. Hoạt động tại kỳ họp Quốc hội

Tham dự đầy đủ các kỳ họp QH tổ chức trong năm 2023 với tinh thần trách nhiệm cao, chủ động, tích cực nghiên cứu tài liệu, đóng góp ý kiến vào các dự án luật và các nội dung trình kỳ họp góp phần vào sự thành công chung của kỳ họp QH. Chỉ đạo bộ phận tham mưu, phục vụ làm tốt công tác tổng hợp, chuẩn bị các điều kiện tham mưu, tổ chức, phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh tại các kỳ họp QH khóa XV.

3. Hoạt động giám sát, khảo sát

Tập trung thực hiện tốt 04 cuộc giám sát chuyên đề theo yêu cầu của QH, UBTVQH¹. Tổ chức một số cuộc giám sát, khảo sát về tình hình phát triển kinh tế - xã hội và việc thực hiện các chính sách, pháp luật tại địa phương; chú trọng vào việc khảo sát nhằm phục vụ cho việc ban hành mới, cũng như việc sửa đổi, bổ sung các một số dự án luật nằm trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của QH.

¹ Gồm: (1) Việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng; (2) Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của QH về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; (3) Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của QH về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; (4) Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021.

Tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc giải quyết những kiến nghị sau giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh.

Tích cực tham gia các Đoàn giám sát của UBTVQH, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH tại địa phương. Phối hợp hoạt động giám sát, khảo sát với Thường trực HĐND tỉnh.

Giám sát việc trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri: chỉ đạo việc theo dõi, đôn đốc việc trả lời cử tri của các bộ, ngành trung ương và các sở, ngành, địa phương đối với những ý kiến, kiến nghị cử tri thuộc thẩm quyền. Chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tập hợp đầy đủ cung cấp cho các vị ĐBQH, UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để báo cáo kịp thời với cử tri.

4. Công tác tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

Tiếp tục duy trì thực hiện việc tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của tỉnh theo đúng qui định của pháp luật. Tiếp nhận, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Chủ động trao đổi, thông tin giữa các ĐBQH và phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh để tổ chức cho các ĐBQH tiếp xúc cử tri theo quy định, nghiên cứu tổ chức cho các ĐBQH trong Đoàn tiếp xúc cử tri tại một số điểm ngoại tỉnh. Tiếp tục làm tốt công tác thu thập và tổng hợp, phản ánh đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của cử tri tới QH, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

Chuyên đề 03:

CÁC PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN CÔNG DÂN TRÊN THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN GẮN CHÍP HOẶC TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ THAY CHO VIỆC TRÌNH SỔ HỘ KHẨU, SỔ TẠM TRÚ KHI THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

1. Công dân có thể sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự

Cơ sở pháp lý: Theo quy định tại Điều 3 và Điều 20 Luật Căn cước công dân, căn cước công dân thể hiện thông tin cơ bản về lai lịch, nhận dạng của công dân; Thẻ Căn cước công dân (CCCD) là giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam có giá trị chứng minh về CCCD của người được cấp thẻ để thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam; Khi công dân xuất trình thẻ CCCD theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đó không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin cá nhân, nơi thường trú.

Giải pháp:

(1) *Đối với công dân:* thực hiện thủ tục để được cấp thẻ CCCD. Như vậy, người dân có thể sử dụng thẻ CCCD gắn chip là một loại giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin cá nhân, nơi thường trú khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công.

(2) *Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính:* không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ CCCD gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Các thông tin trên mặt thẻ CCCD, gồm: Số Căn cước công dân (chính là số định danh cá nhân); Ảnh chân dung; Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; Ngày, tháng, năm hết hạn; Đặc điểm nhân dạng; Vân tay; Ngày, tháng, năm cấp thẻ; Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị đầu đọc mã QRcode trên thẻ Căn cước công dân đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công

Cơ sở pháp lý:

(1) Điều 3 Thông tư số 06/2021/TT-BCA, ngày 23/01/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD: “a) Mặt trước thẻ CCCD gồm các thông tin:...; **mã QR**; b) mặt sau thẻ CCCD gồm các thông tin sau:...; **chip điện tử**”

(2) Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công **phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng hình thức sử dụng thiết bị đầu đọc mã QRCode trên thẻ CCCD gắn chip điện tử để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân trong hồ sơ thủ tục hành chính.**

Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công sử dụng thiết bị đọc mã QRcode trên thẻ CCCS (theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Quyết định số 46/QĐ-TTDT, ngày 18/01/2022 ban hành hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với thiết bị đọc mã QRCode) để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân được hiển thị trên thiết bị trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, **không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ căn cước công dân gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.**

Các thông tin trong mã QRCode được hiển thị trên thiết bị đọc mã QRCode gồm: Số CCCD; số CMND 9 số; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp CCCD.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị đầu đọc chip trên thẻ Căn cước công dân đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công

Cơ sở pháp lý:

(1) Điều 3 Thông tư số 06/2021/TT-BCA ngày 23/01/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD: “a) Mặt trước thẻ CCCD gồm các thông tin:...; **mã QR**; b) mặt sau thẻ CCCD gồm các thông tin sau...; **chip điện tử**”

(2) Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công **phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng hình thức sử dụng thiết bị đầu đọc chip trên thẻ CCCD gắn chip điện tử để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân trong hồ sơ thủ tục hành chính.**

Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD (theo tiêu chuẩn ICAO) để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân được hiển thị trên thiết bị trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, **không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ CCCD gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.**

Các thông tin trong chip điện tử được hiển thị trên thiết bị đọc chip gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; Số chứng minh đã được cấp; Ngày cấp; Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); Đặc điểm nhận dạng; Ảnh chân dung; Trích chọn vân tay; Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công

Cơ sở pháp lý:

(1) Theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2021/NĐ-CP, ngày 29/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 137/2015/NĐ-

CP, ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân thì Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thông qua việc kết nối, chia sẻ thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công Bộ Công an, Hệ thống thông tin một cửa cấp tỉnh hoặc khai thác bằng văn bản; Công dân khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin hoặc thông qua dịch vụ nhắn tin, cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công Bộ Công an.

(2) Theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công **phải tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia để giải quyết thủ tục hành chính.**

Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm thực hiện **tra cứu, khai thác thông tin của người nộp hồ sơ qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

Đối với công dân: Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì yêu cầu công dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân của mình qua cổng dịch vụ công quốc gia để ghi nhận và lưu trữ thông tin về cư trú trong hồ sơ thủ tục hành chính. Công dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân của mình theo các bước sau:

Bước 1: Công dân truy cập Cổng dịch vụ công theo địa chỉ: **<https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>**

Bước 2: Đăng nhập tài khoản/ mật khẩu truy cập (*sử dụng tài khoản Cổng DVC quốc gia*); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng “Thông tin công dân” và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ và tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó, nhấn Tìm kiếm.

Thông tin cơ bản công dân sẽ hiện thị trên màn hình gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Nơi thường trú; Số định danh cá nhân; Số chứng minh nhân dân.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thông tin cá nhân thông qua tài khoản định danh điện tử của công dân được hiển thị trong ứng dụng VNeID để sử dụng thông tin về cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Cơ sở pháp lý: Theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP, ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định “việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân”. Theo đó, các thông tin CCCD, thông tin dân cư được tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch của người dân; các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp với hệ thống định danh xác thực điện tử của Bộ Công an hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo trình tự, thủ tục quy định để xác thực tài khoản định danh điện tử hoặc khai thác thông tin liên quan khi người dân có yêu cầu.

- *Đối với công dân:* Để được đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, công dân thực hiện như sau:

Bước 1: Công dân đến cơ quan Công an đăng ký tài khoản mức 2; thực hiện cài đặt ứng dụng VNeID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VnEID.

Bước 2: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau:

Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên cổng dịch vụ công quốc gia (liên thông với cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương) với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin. Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VNeID trên thiết bị di động để hiển thị các thông tin CCCD, thông tin dân cư được tích hợp trên ứng dụng VNeID.

- *Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính:* khi công dân tra cứu, xuất trình thông tin cá nhân, nơi thường trú hiển thị trên ứng dụng VNeID, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ghi nhận và lưu trữ thông tin này trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, **không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên ứng dụng VNeID khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.**

Các thông tin hiển thị trên ứng dụng VNeID gồm: Số CCCD; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; CCCD có giá trị đến; Đặc điểm nhận dạng; Ngày cấp, Số điện thoại.

6. Công dân có thể sử dụng giấy Xác nhận thông tin về cư trú để chứng minh thông tin cá nhân, nơi cư trú khi không thể khai thác, sử dụng được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Cơ sở pháp lý:

(1) Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 và khoản 3 Điều 33 Luật Cư trú thì công dân có quyền được cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của mình xác nhận thông tin về cư trú khi có yêu cầu;

(2) Theo quy định tại Điều 17 Thông tư 55/2021/TT-BCA, ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú thì công dân yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú có thể trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân để đề nghị cấp xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú; Thời hạn giải quyết tối đa là 03 ngày làm việc.

(3) Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, ngày 21/12/2022 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì trường hợp không thể khai thác được thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ công chức, viên chức được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình giấy xác nhận thông tin về cư trú (giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú).

Đối với công dân: Để được cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú, công dân có thể trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết. Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân.

- Đối với Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: Khi công dân xuất trình bản sao hoặc xuất trình giấy xác nhận thông tin về cư trú thì không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên giấy xác nhận thông tin về cư trú khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu giấy Xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07 ban hành kèm Thông tư số 56/TT-BCA, ngày 15/5/2021 của Bộ Công an) gồm các thông tin, cụ thể: Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Nơi tạm trú; Nơi ở hiện tại; Họ tên chủ hộ, số định danh chủ hộ và Quan hệ với chủ hộ; Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

7. Công dân có thể sử dụng giấy Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chứng minh thông tin cá nhân, nơi cư trú khi không thể khai thác, sử dụng được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Cơ sở pháp lý:

Theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 37/2021/NĐ-CP, ngày 29/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 137/2015/NĐ-

CP, ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân thì ngay sau khi xác lập được sổ định danh cá nhân cho công dân, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có văn bản thông báo cho công dân về sổ định danh cá nhân đã được xác lập và các thông tin của công dân hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Căn cứ quy định trên, Bộ Công an đã chỉ đạo thực hiện cấp Thông báo sổ định danh và thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho 100% người dân chưa được cấp CCCD trên toàn quốc để người dân sử dụng giải quyết các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân.

Như vậy, khi công dân xuất trình bản sao hoặc giấy Thông báo sổ định danh cá nhân thì không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Các thông tin trên Thông báo sổ định danh cá nhân: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Tình trạng hôn nhân; Nơi thường trú; Nơi ở hiện tại; Quan hệ với chủ hộ; Nhóm máu; Họ, chữ đệm và tên, của cha, mẹ; Sổ định danh cá nhân.

Chuyên đề 04:

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2022; PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh, các huyện và thành phố thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX), nâng cao năng lực quản lý đối với cán bộ HTX, tạo điều kiện để HTX đổi mới công nghệ, tiếp cận thị trường để sản xuất, tiêu thụ hàng hóa đáp ứng nhu cầu người dân. Tạo việc làm và thu nhập cho thành viên HTX và người lao động góp phần đảm bảo an ninh xã hội, phát triển kinh tế địa phương.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về số lượng, quy mô, chất lượng hoạt động

Đến tháng 12/2022, toàn tỉnh có 675 tổ hợp tác với trên 8.000 thành viên; 408 hợp tác xã (HTX) (trong đó HTX nông nghiệp 150, HTX phi nông nghiệp 258) với 3.328 người; tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021 (386 HTX), tăng 22 HTX so với năm 2021, số lao động thường xuyên trong HTX có 3.200 người và 01 Liên hiệp HTX¹.

Thành lập mới 33 HTX, bằng 210% kế hoạch; bằng 85% so với năm 2021 (năm 2021 thành lập mới 39 HTX). Liên minh HTX tỉnh kết nạp mới 13 thành viên HTX, bằng 130% kế hoạch, bằng 68% so với năm 2021 (năm 2021 kết nạp mới 19 thành viên), nâng số thành viên của Liên minh HTX tỉnh lên 184 đơn vị.

¹ Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, với 9 thành viên, vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng.

Tổng vốn hoạt động HTX là 878 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021 (825 tỷ đồng); ước doanh thu bình quân 1 HTX/năm là 1.700 triệu đồng; lãi bình quân của một HTX là 120 triệu đồng/năm, thu nhập trung bình của người lao động đạt 45 triệu đồng/năm.

Số HTX giải thể 10 HTX, bằng 43% so với cùng kỳ năm 2021 (21 HTX). Số HTX chưa đăng ký và tổ chức lại theo quy định của Luật HTX năm 2012 là 56/408 HTX; số HTX đang hoạt động 289/408, chiếm 71%; số HTX ngừng hoạt động 119/408, chiếm 29%. Cán bộ quản lý HTX có 1.150 người¹, phần lớn các HTX đã cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi mô hình hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012 và từng bước hoạt động đúng bản chất, ngày càng quan tâm tới lợi ích của thành viên thông qua việc hỗ trợ kinh tế hộ hoặc việc làm cho thành viên.

2. Đánh giá theo từng lĩnh vực

- *Lĩnh vực nông lâm nghiệp và dịch vụ nông nghiệp*: Có 150/408 HTX, chiếm 36,8%. Các HTX nông nghiệp vẫn duy trì sản xuất kinh doanh, mở rộng nhiều ngành nghề, như: Chăn nuôi, cung ứng giống, thức ăn chăn nuôi, trồng và bảo vệ rừng, thu hoạch và thu mua sản phẩm nông nghiệp, chế biến nông sản... Đặc biệt, các HTX nông nghiệp ngày càng khẳng định vai trò chủ đạo trong mối liên kết giữa hộ nông dân, HTX, doanh nghiệp, hình thành chuỗi sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, nhờ đó việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho hộ gia đình được thuận lợi, tạo thêm việc làm và thu nhập cho thành viên, người lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, nông nghiệp, nông thôn của tỉnh. Tuy nhiên, HTX nông nghiệp hiện nay trên địa bàn tỉnh chủ yếu còn nhỏ lẻ, phân tán, chưa tạo được vùng sản xuất tập trung, chưa có sản phẩm hàng hóa đủ lớn và ổn định về chất lượng, chưa thực hiện và phát huy tốt được vai trò dịch vụ đầu vào - đầu ra cho sản xuất theo cơ chế thị trường. Nguyên nhân do thiếu vốn, trình độ cán bộ quản lý còn hạn chế; một số mặt hàng chưa có thương hiệu, chưa có thị trường tiêu thụ ổn định, việc tập trung tích tụ đất đai và điều kiện tự nhiên không thuận lợi.

- *Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ*: Có 71/408 HTX, chiếm 17,4%, hoạt động của các HTX tập trung chủ yếu vào các ngành nghề như: Cơ khí sửa chữa, chế biến gỗ, sản xuất gạch không nung, sản xuất đồ gỗ, đan lát..., nhiều HTX đã chú trọng huy động các nguồn lực đầu tư, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hoàn thiện tổ chức sản xuất quản lý, bước đầu đi vào hoạt động, sản xuất kinh doanh hiệu quả. Tuy nhiên, nhiều HTX ngừng hoạt động do quy mô HTX nhỏ, thiếu điều kiện nâng cấp đổi mới công nghệ, kỹ thuật, chất lượng sản phẩm chưa cao, thị trường tiêu thụ thiếu tính ổn định. Nhiều HTX chưa mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất, máy móc thiết bị lạc hậu, mẫu mã sản phẩm kém hấp dẫn chậm đổi mới và sức cạnh tranh yếu, hiệu quả kinh tế thấp.

- *Lĩnh vực thương mại, dịch vụ*: Có 45/408 HTX, chiếm 11%, các HTX hoạt động duy trì sản xuất tương đối ổn định, cung ứng và luân chuyển hàng hóa ra thị trường đáp ứng nhu cầu người dân. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và

¹ Trong đó: Cán bộ có trình độ Đại học, Cao đẳng trở lên là 107 người; Sơ cấp và Trung cấp là 173 người, trình độ khác 870 người.

việc hạn chế xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới ngăn dịch bệnh lây lan, nhiều HTX hoạt động dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, bóc xếp vật tư ngừng hoạt động.

- *Lĩnh vực sản xuất vật liệu và xây dựng*: Có 109/408 HTX, chiếm 26,7%, các HTX trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng hoạt động hiệu quả, phát triển hầu hết ở các huyện, thành phố trong tỉnh, đóng góp phần lớn về việc cung ứng các loại vật liệu xây dựng (gạch, đá, sỏi...) tham gia đấu thầu thi công các công trình dân dụng quy mô nhỏ.

- *Lĩnh vực vận tải*: Có 14/408 HTX, chiếm 3,5%, các HTX vận tải đã tập hợp được phương tiện của các hộ đơn lẻ vào thành HTX, định hướng được đầu tư phát triển có tổ chức ổn định trên địa bàn, đã chú trọng đầu tư nâng cấp phương tiện vận tải, nâng cao chất lượng xe khách phục vụ hành khách; chủ động khai thác luồng, tuyến vận tải đường dài, dịch vụ vận tải kết hợp với du lịch, vận tải hàng hóa, dịch vụ phụ tùng và sửa chữa, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho thành viên, người lao động. Tuy nhiên, hoạt động vận tải còn gặp khó khăn, thiếu trụ sở làm việc, thiếu mặt bằng, bến bãi đỗ xe; thiếu vốn đầu tư. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo HTX còn thiếu, năng lực hạn chế, thiếu nhân sự quản lý chuyên môn được đào tạo bài bản, ít có cán bộ trẻ tham gia quản lý HTX. Một số HTX còn lúng túng trong việc định hướng phát triển, xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh, ổn định, lâu dài.

- *Lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường và lĩnh vực khác*: Có 19/408 HTX, chiếm 4,6%, các HTX được thành lập và hoạt động phục vụ công ích xã hội (thu gom, xử lý rác thải, nạo vét khơi thông cống thoát nước, lắp hệ thống điện chiếu sáng đô thị, quản lý, trồng mới, chăm sóc cây xanh...) đã góp phần tích cực trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn dân cư và ngày càng phát huy tác dụng, hoạt động mang ý nghĩa xã hội - công ích thiết thực. Tuy nhiên, quy mô HTX nhỏ, manh mún, thiếu nguồn vốn hoạt động, không có mặt bằng xây dựng trụ sở...; một số huyện chưa thật sự tin tưởng giao cho HTX việc quản lý chợ, quản lý hạ tầng đô thị trên địa bàn, điều kiện mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh còn khó khăn; thu nhập của thành viên, người lao động còn thấp, việc bố trí thu gom rác, xử lý theo quy hoạch thực hiện chưa tốt.

3. Công tác tuyên truyền phát triển HTX và thành viên

Liên minh HTX tỉnh đã chủ động phối hợp với sở, ban, ngành liên quan, Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Cao Bằng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thường xuyên tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, HTX, như Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới”; tuyên truyền phát triển HTX, Ngày HTX Việt Nam (11/4); phòng, chống dịch Covid-19; tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện lớn của tỉnh và cả nước; tuyên truyền, giới thiệu các mô hình HTX mới, điển hình tiên tiến và làm ăn hiệu quả bằng nhiều hình thức¹...

¹ Đăng 36 tin bài đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Liên minh HTX tỉnh Cao Bằng; 09 tin thời sự về kinh tế tập thể phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng; 02 tin được đăng trên bản tin Thông báo nội bộ - Tài liệu phục vụ sinh hoạt chi bộ do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xuất bản, 01 chuyên đề phục vụ báo cáo viên thường kỳ tháng 7/2022.

Phối hợp với Ban điều phối Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) của tỉnh thực hiện tuyên truyền hỗ trợ một số nhóm sở thích điểm thành lập HTX; tuyên truyền hỗ trợ viết hồ sơ thành lập HTX cho 6 nhóm sở thích để thành lập HTX đạt 100% kế hoạch¹. Phối hợp tổ chức Hội nghị tập huấn cho cán bộ quản lý HTX và thành viên kinh tế tập thể, HTX được 01 lớp với 70 người tham dự đạt 100% so với kế hoạch.

Tổ chức đăng ký danh sách, hướng dẫn các HTX thành viên tham gia khảo sát chỉ số hài lòng cấp tỉnh². Thực hiện rà soát nắm tình hình hoạt động của các HTX tại các huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng³.

4. Công tác tư vấn, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên

Thường xuyên kiểm tra, nắm tình hình hoạt động các HTX thành viên; tư vấn, hướng dẫn các HTX chấp hành đúng các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; tư vấn, giúp đỡ các HTX quan hệ, tiếp cận với các cơ quan, tổ chức giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên. Tổ chức 03 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh với đối tượng là lãnh đạo quản lý, thành viên HTX, tổ hợp tác⁴; tổ chức các lớp bồi dưỡng đi học tập kinh nghiệm mô hình hoạt động HTX trong và ngoài tỉnh⁵.

Hỗ trợ đưa các HTX, tổ hợp tác tham gia Hội chợ thương mại, Hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm⁶. Phối hợp với Ban điều phối Dự án CSSP tuyên truyền, hỗ trợ thành lập HTX điểm từ tổ hợp tác, các nhóm đồng sở thích (CIG). Hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cho các HTX đủ điều kiện vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX⁷. Hỗ trợ các HTX tiếp cận với Quỹ quốc gia việc làm - Liên minh HTX Việt Nam, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cao Bằng hướng dẫn thủ tục cho vay⁸.

5. Hoạt động Quỹ hỗ trợ Liên minh HTX tỉnh

Triển khai để các HTX tiếp cận vay vốn dự án từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, hướng dẫn sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, trả đúng kỳ hạn để tiếp tục đầu tư cho dự án khác. Trong năm 2022, tổng số vốn ngân sách được cấp tới thời điểm hiện nay 14.000.000.000 đồng; nguồn vốn bổ sung từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hàng năm 55.085.102 đồng. Các HTX sau khi vay vốn đều sử

¹ Tuyên truyền các hình thức mua chung, bán chung thông qua nhóm sở thích, HTX, giới thiệu một số mô hình HTX hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh tại 30 xã dự án thuộc huyện Nguyên Bình, Thạch An, Hà Quảng được 30 Hội nghị với hơn 450 người tham dự; 03 Hội nghị tập huấn Hội Nông dân tỉnh với 60 học viên.

² HTX thành viên tham gia khảo sát chỉ số hài lòng cấp tỉnh được 145/164 thành viên, đạt 88,4%.

³ Kết quả rà soát được 10/10 huyện, thành phố, đạt 100% so với kế hoạch

⁴ 03 lớp với 105 người tham dự, đạt 100% so với kế hoạch

⁵ HTX Nông nghiệp Đoàn Dương huyện Trùng Khánh và thăm mô hình HTX tại tỉnh Sơn La, tỉnh Thái Bình.

⁶ Kết quả tổ chức hỗ trợ 08 HTX có sản phẩm tham gia Hội chợ thương mại, Hội nghị kết nối cung - cầu sản phẩm trong tỉnh và ngoài tỉnh như: Ninh Bình, Hà Nội, Nghệ An, Thái Nguyên... có 18 lượt HTX tham gia trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm

⁷ Hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cho các HTX được 15 HTX; Hồ sơ thành lập 06 HTX từ các nhóm sở thích CIG/THT.

⁸ 02 hợp tác xã vay vốn với số tiền giải ngân 200.000.000 đồng (HTX Nông lâm thủy sản Sông Bằng, HTX Nông nghiệp Ba Sạch Hưng Đạo).

dụng đúng mục đích, cải thiện đáng kể hiệu quả sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động¹.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác phát triển kinh tế tập thể, HTX luôn được các cấp uỷ đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có chủ trương, chính sách phù hợp phát triển kinh tế tập thể, HTX; luôn tạo điều kiện để HTX đổi mới công nghệ, tiếp cận thị trường để sản xuất, tiêu thụ hàng hóa đáp ứng nhu cầu người dân. Trong năm 2022, mặc dù trong điều kiện kinh tế - xã hội đang dần phục hồi sau đại dịch Covid-19, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của HTX. Nhưng các HTX đã cố gắng khắc phục khó khăn để duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh như: mở rộng thêm ngành nghề, phát triển kinh doanh tổng hợp; nâng cao năng lực cán bộ HTX; tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, đổi mới trang thiết bị; vận động kết nạp thành viên, huy động vốn góp của thành viên; tổ chức lại hoạt động HTX theo Luật HTX 2012.

Nhiều HTX đã giải quyết tốt nhu cầu, lợi ích chính đáng của thành viên và người lao động trong HTX như: đóng bảo hiểm xã hội, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động; thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động – phòng, chống cháy nổ theo quy định của Nhà nước; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, nộp ngân sách đầy đủ; KTTT, HTX có chiều hướng phát triển, nhiều HTX mới được thành lập đặc biệt là các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, tạo thêm được việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế HTX còn chậm; hiệu quả kinh doanh thấp, phát triển chưa bền vững; số HTX tạm ngừng hoạt động, giải thể còn cao. Trong năm 2022, số HTX ngừng hoạt động 119/408 HTX, chiếm 29%; số HTX giải thể 10 HTX, bằng 43% so với cùng kỳ năm 2021; một số HTX chưa đăng ký và tổ chức lại theo quy định của Luật HTX năm 2012 (56/408 HTX). Sản phẩm hàng hóa chưa nhiều, chưa đa dạng, chưa có sức cạnh tranh; năng lực tài chính HTX còn hạn chế, không đủ khả năng mở rộng sản xuất, kinh doanh; một số HTX còn lúng túng trong việc định hướng phát triển, xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất, kinh doanh ổn định, lâu dài.

2.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- *Nguyên nhân chủ quan:* Một số HTX chưa thật sự năng động, sáng tạo, chủ động liên kết, hợp tác trong cơ chế thị trường để phát triển; quy mô sản xuất, kinh doanh của HTX còn nhỏ, manh mún; cơ sở vật chất nghèo nàn, trang thiết bị, máy móc công nghệ lạc hậu, chắp vá; cán bộ quản lý HTX trình độ năng lực hạn chế,

¹ Dư nợ tại các dự án hiện nay 8.690.000 đồng, trong đó số tiền giải ngân trong năm 2022 là 5.950.000.000 đồng cho 18 HTX và thành viên của HTX.

thiếu tính chuyên nghiệp; nhiều HTX chưa thật sự phấn đấu vươn lên, còn có tư tưởng trông chờ vào cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- *Nguyên nhân khách quan:* Ảnh hưởng của dịch Covid-19 lan rộng dẫn tới khủng hoảng kinh tế toàn cầu, làm cho kinh tế phát triển chậm, lạm phát tăng cao, đặc biệt giá dầu trên thế giới tăng cao dẫn tới khó khăn trong việc sản xuất, kinh doanh của các HTX; triển khai thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển HTX chưa đồng bộ, chưa sát thực với điều kiện địa phương; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhân dân, thành viên và người lao động trong HTX chưa nhận thức đúng và đầy đủ về vị trí, vai trò của kinh tế tập thể.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách có liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, HTX. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của tỉnh về kinh tế tập thể đến cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp Nhân dân về bản chất, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của HTX trong điều kiện mới.

2. Nâng cao chất lượng tin, bài, thông tin trên website của tỉnh, của cơ quan. phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí lớn ở Trung ương và địa phương để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thúc đẩy, lan tỏa tinh thần khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo trong HTX. Xây dựng nội dung và phương pháp đào tạo, tuyên truyền phù hợp cho từng đối tượng để việc tuyên truyền thiết thực và hiệu quả, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

3. Hướng dẫn tổ chức, củng cố lại hoạt động của các HTX theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012. Hướng dẫn xử lý đối với các trường hợp HTX không đăng ký và tổ chức lại hoạt động theo Luật HTX năm 2012; giải thể các HTX không hoạt động nhưng vướng mắc về công nợ, vốn góp, không để các HTX tồn tại hình thức và các HTX hoạt động không đúng bản chất để lành mạnh hóa khu vực KTTT, HTX.

4. Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo vệ quyền và lợi ích của thành viên trong HTX; vận động thành viên HTX góp vốn và nâng mức vốn góp; vận động HTX thu hút thêm thành viên mới; quan tâm phát triển cả HTX nông nghiệp gắn với chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm" (OCOP) và Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn năm 2030; tháo gỡ rào cản, quy định nhằm nâng cao khả năng huy động và tiếp cận nguồn lực cho các HTX.

5. Nâng cao năng lực quản trị HTX theo hướng công khai, minh bạch thông qua các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước: bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, thành viên HTX; tuyên truyền, hỗ trợ các HTX tiếp cận nguồn vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và các nguồn tín dụng khác. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ để nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, từ đó nâng cao giá trị sản

phẩm địa phương, nhất là sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0 trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm,...

6. Tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, địa phương và các nguồn lực hỗ trợ HTX trong nước và quốc tế, tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN THỜI GIAN TỚI

1. Những nội dung tuyên truyền theo Tài liệu Báo cáo viên tháng 01/2023

1.1. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023

Tập trung tuyên truyền khẳng định: Năm 2022, với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc của người dân và doanh nghiệp, KT-XH của tỉnh duy trì ổn định, tăng trưởng và đạt những kết quả quan trọng, có nhiều điểm sáng nổi bật. Qua đó, tạo niềm tin, động lực, khích lệ, động viên cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp trọng tâm, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2023.

1.2. Một số kết quả hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

Tuyên truyền nhân mạnh: Năm 2022, Đoàn ĐBQH tỉnh tiếp tục làm tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn trong các lĩnh vực xây dựng pháp luật, giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; chủ động và tích cực phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương, ở Trung ương và các hoạt động tại kỳ họp Quốc hội.

1.3. Các phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ Căn cước công dân gắn chip hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công

Tuyên truyền khẳng định: Đây là chủ trương, chính sách lớn, liên quan trực tiếp đến nhiều ngành, lĩnh vực và đời sống hằng ngày của người dân; thay đổi cách nghĩ, thói quen và phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công hướng tới đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, phát triển Chính phủ số, công dân số. Qua đó, đảm bảo tuyên truyền, triển khai các quy định được đồng bộ, hiệu quả từ trong các cơ quan, đơn vị cung cấp thủ tục hành chính, dịch vụ công đến đông đảo quần chúng nhân dân.

1.4. Tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của tỉnh về kinh tế tập thể, HTX; những kết quả đã đạt được về phát triển kinh tế tập thể, HTX trên địa bàn tỉnh; chú trọng tập trung tuyên truyền vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể, HTX trong

bối cảnh mới; xác định rõ phát triển kinh tế tập thể, HTX là xu thế tất yếu và coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, của các cấp, các ngành, địa phương. Phân đầu thực hiện tốt và đạt các mục tiêu đã đề ra theo Kế hoạch số 487-KH/TU, ngày 09/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 70-KL/TW, ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

2. Những nội dung trọng tâm cần tập trung tuyên truyền khác

- Tuyên truyền kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 – 03/02/2022), 82 năm Ngày Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/01/1941 - 28/01/2023), mừng Xuân Quý Mão 2023. Tuyên truyền bối cảnh lịch sử, quá trình chuẩn bị và ý nghĩa lịch sử to lớn của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như bối cảnh lịch sử, quá trình chuẩn bị và hành trình trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh; hoạt động của Người trong thời gian đầu trở về nước, đặc biệt thời gian Người ở Cao Bằng; tình cảm đặc biệt của Người dành cho quê hương Cao Bằng cũng như lòng tôn kính, sự che chở, giúp đỡ của người dân địa phương đối với Người, với cách mạng. Cổ vũ, khích lệ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, phát huy mạnh mẽ nội lực, xây dựng Cao Bằng xây dựng Cao Bằng trở thành tỉnh năng động, phát triển bền vững, xứng đáng với niềm tin của Đảng và truyền thống tốt đẹp của quê hương cội nguồn cách mạng.

- Tuyên truyền Kỷ niệm 50 năm Ngày ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam (27/01/1973 - 27/01/2023). Tuyên truyền bối cảnh quốc tế và trong nước dẫn tới Hội nghị Paris; khẳng định sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuyên truyền ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm và sự vận dụng sáng tạo việc đàm phán, ký Hiệp định Paris trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; những thành tựu đối ngoại, ngoại giao của đất nước sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới; nhiệm vụ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân trong tình hình mới; khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc; củng cố, bồi đắp niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế hiện nay.

- Tiếp tục tuyên truyền Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 18/11/2022 của Ban Bí thư về việc tổ chức Tết Quý Mão năm 2023 và Chỉ thị số 16/CT-UBND, ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm. Tuyên truyền nhấn mạnh yêu cầu của Ban Bí thư đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, đó là: Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phát huy truyền thống đại đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của dân tộc, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân

dân, bảo đảm mọi nhà, mọi người đều có điều kiện vui xuân, đón Tết. Quan tâm chăm lo cho các gia đình chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn, các hộ nghèo, đồng bào các địa phương bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục tuyên truyền thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về “tự soi, tự sửa” trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng giai đoạn 2022 - 2025” *(Tài liệu phục vụ đợt sinh hoạt chính trị về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo tinh thần Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII)* do Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ biên soạn và phát hành tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân; làm cho tư tưởng, đạo đức phong cách của Người thấm sâu vào đời sống xã hội, thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, góp phần xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam, bồi đắp tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Tiếp tục tuyên truyền 03 chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá chiến lược thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; các đề án của Tỉnh uỷ; tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII và Chương trình hành động của tỉnh, kế hoạch của các cấp, các ngành thực hiện Nghị quyết; Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và người dân trong thực hiện các Nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch.